

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT
VIETNAM REGISTER
NATIONAL VEHICLE INSPECTION AND
CERTIFICATION CENTER
Số (N^o): 26KMC/235677

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH TÂM MINH NGUYỄN

Địa chỉ (Address): Số 60C, Đường số 22 tháng 12, khu phố Lộc Du, Phường Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Xe lu rung

Nhãn hiệu (Trade mark): SAKAI

Tên thương mại (Commercial name): HV50

Số khung (Chassis N^o): VHV1130476

Nước sản xuất (Production country): JAPAN

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N^o/date): 107999065161/25/02/2026

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N^o): 003453/26MC-026/003

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 01/06/2026 / Thành phố Hồ Chí Minh

Số đăng ký kiểm tra (Registered N^o for inspection): 003453/26MC

Mã kiểu loại (Model code): HV50ST

Màu xe (Vehicle color): Vàng

Số động cơ (Engine N^o): E75706960

Năm sản xuất (Production year): Không xác định

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	530	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	2400 x 640 x 1170	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):	E75-NB3, 4 kỳ, 1 xi lanh	
Loại nhiên liệu (Fuel):	Diesel	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	4,0/2500	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):	3,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	10	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	---	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	55	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	01/355x595	-/mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	01/355x595	-/mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars N^o 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2026

Cơ quan chứng nhận

(Certification body)

TL. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
TRƯỞNG PHÒNG PTGT ĐƯỜNG BỘ



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG
KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ
ĐƯỜNG SẮT
Email: nvicc@vr.org.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 03/06/2026
07:59:36

Nguyễn Đan Quế

Ký bởi: Nguyễn Đan
Quế
Email:
quend.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG
KIỂM VIỆT NAM, BỘ
XÂY DỰNG
Thời gian:
03/06/2026 07:59:35

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

CQ A 3920319